| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂN PHÚ**<br>TỈNH ĐỒNG NAI | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Bản án số: **38**/2022/HNGĐ-ST<br>Ngày: 10-5-2022<br>V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ - TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trương Thị Thịnh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Phạm Công Gia** và ông **Lê Đình Khôi**

***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà **Lương Thị Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Bích Kh**, sinh năm 1987.

HKTT: Ấp M, xã L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện tại: Ấp Thanh Thọ 3, xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, Đồng Nai.

Bị đơn: Anh **Trịnh Kim L**, sinh năm 1986.

HKTT: Ấp M, xã L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Kh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh L vắng mặt không lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2020, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn chị Phạm Thị Bích Kh trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trinh Kim L tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân năm 2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Phúc, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định.

Đời sống hôn nhân của vợ chồng chị đầm ấm, hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L có biểu hiện không chung thủy, nhưng chị lại không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh về việc này. Do đó vợ chồng chị xảy ra cãi vã, xung đột. Chị và anh L đã không còn sống chung với nhau từ năm 2017 cho đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Kim L.

Về con chung: chị và anh L có 04 con chung là Trịnh Gia B, sinh ngày 29/9/2008; Trịnh Gia L, sinh ngày 20/12/2014; Trịnh Kim Ch, sinh ngày 26/5/2017 và Trịnh Quỳnh Nhã Ph, sinh ngày 13/11/2019. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Theo chị Kh, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo chị Kh, vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Trịnh Kim L mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử không có ý kiến, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.*

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân của chị Kh, anh L (bản sao); sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh của 04 con chung (bản sao); lời khai của nguyên đơn tại bản tự khai; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Đơn nguyện vọng và ý kiến của các con chung; Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận cho chị Kh ly hôn với anh Trịnh Kim L.

Về con chung: Đề nghị giao các cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 29/9/2008; Trịnh Gia L, sinh ngày 20/12/2014; Trịnh Kim Ch, sinh ngày 26/5/2017 và Trịnh Quỳnh Nhã Ph, sinh ngày 13/11/2019 cho chị Kh nuôi dưỡng anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Kh không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết,

Về nợ chung: Chị Kh khai báo không có, nên không xem xét, dành quyền khởi kiện về tài sản chung, nợ chung cho anh L bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Bích Kh khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Kim L, tranh chấp về nuôi bốn con chung là Trịnh Gia B, sinh ngày 29/9/2008; Trịnh Gia L, sinh ngày 20/12/2014; Trịnh Kim Ch, sinh ngày 26/5/2017 và Trịnh Quỳnh Nhã Ph, sinh ngày 13/11/2019. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Trịnh Kim L là bị đơn có nơi cư trú tại: Ấp M, xã L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trịnh Kim L, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Kh, anh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Phúc, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định vào ngày 16/01/2008, do đó đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Đời sống hôn nhân của chị Kh, anh L đầm ấm, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha, có dấu hiệu không chung thủy. Hiện nay chị Kh, anh L đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

[5] Lời khai của nguyên đơn về quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng phù hợp với biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của chị Kh, anh L. Điều này thể hiện trong quá trình sống chung vợ chồng chị Kh, anh L đã không tôn trọng, thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình yêu cầu ly hôn của chị Kh đối với anh L là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Kh, anh L có 04 con chung là Trịnh Gia B, sinh ngày 29/9/2008; Trịnh Gia L, sinh ngày 20/12/2014; Trịnh Kim Ch, sinh ngày 26/5/2017 và Trịnh Quỳnh Nhã Ph, sinh ngày 13/11/2019. Khi ly hôn, chị Kh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả bốn con chung không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

[7] Xét thấy từ khi vợ chồng chị Kh không còn sống chung thì các con do chị Kh chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; các cháu Bảo, Lộc, Chi có nguyện vọng được sống chung với chị Kh. Do đó yêu cầu của chị Kh là có căn cứ nên giao các cháu Bảo, Lộc, Chi, Phương cho chị Kh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Kh không có yêu cầu.

[8] Về tài sản chung: Chị Kh trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị Kh khai báo không có, nên không xem xét. Đối với anh L nếu có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung với chị Kh thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[9] Về án phí: Chị Kh là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị Kh phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 85, 91, 92, 93 luật hôn nhân gia đình năm 2000; Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Bích Kh về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" đối với anh Trịnh Kim L.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Bích Kh được ly hôn anh Trịnh Kim L**.**

**2.** Về nuôi con chung: Giao 04 (Bốn) con chung là Trịnh Gia B, sinh ngày 29/9/2008; Trịnh Gia L, sinh ngày 20/12/2014; Trịnh Kim Ch, sinh ngày 26/5/2017 và Trịnh Quỳnh Nhã Ph, sinh ngày 13/11/2019 cho chị Kh trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Kh không yêu cầu.

Anh L có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

**3.** Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về nợ chung, chị Kh khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

**4.** Về án phí: Chị Phạm Thị Bích Kh phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, khấu trừ vào số tiền chị Kh đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003990 ngày 26/02/2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**5.** Về quyền kháng cáo: Chị Kh, anh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Ng, huyện H, tỉnh Nam Định (để ghi vào sổ hộ tịch ĐK ngày 17/11/2005)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Thịnh**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**